










ÔN TẬP PHẦN I ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

■ Các bài học phần Động vật không xương sống đã giúp ta hiểu về cấu tạo, lối sống của các đại diện. Mặc dù rất đa dạng về cấu tạo và lối sống nhưng chúng vẫn mang các đặc điểm đặc trưng cho mỗi ngành, thích nghi cao với môi trường sống.

I- TÍNH ĐA DẠNG CỦA ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

■ Bảng 1 giới thiệu 15 đại diện kèm theo các đặc điểm, được xếp thành 5 nhóm đại diện cho các ngành chủ yếu của Động vật không xương sống.

Bảng 1. Các đại diện của Động vật không xương sống

Ngành	Đặc điểm	Ngành	Đặc điểm	Các ngành	Đặc điểm
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có roi • Có nhiều hạt diệp lục 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể hình trụ • Nhiều tua miệng • Thường có vách xương đá vôi 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể dẹp • Thường hình lá hoặc kéo dài
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có chân giả • Nhiều không bào • Luôn luôn biến hình 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể hình chuông • Thủy miệng kéo dài 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể hình ống dài thuôn 2 đầu • Tiết diện ngang tròn
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có miệng và khe miệng • Nhiều lông bơi 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể hình trụ • Có tua miệng 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ thể phân đốt • Có chân bên hoặc tiêu giảm





▼ Dựa vào kiến thức đã học và các hình vẽ cùng với những đặc điểm đã ôn tập, em hãy thực hiện các hoạt động sau :

– Ghi rõ tên ngành của 5 nhóm động vật vào chỗ để trống trên hình.

– Ghi tên loài động vật vào chỗ trống ở dưới mỗi hình.

II - SỰ THÍCH NGHI CỦA ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

■ Bảng 2 thống kê tên một số động vật chọn ở bảng 1 nhằm hiểu rõ sự thích nghi của chúng với môi trường sống.

Ngành	Đặc điểm	Ngành	Đặc điểm
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Vỏ đá vôi xoắn ốc • Có chân lẻ 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có cả chân bơi, chân bò • Thở bằng mang
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Hai vỏ đá vôi • Có chân lẻ 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có 4 đôi chân • Thở bằng phổi và ống khí
 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Vỏ đá vôi tiêu giảm hoặc mất • Cơ chân phát triển thành 8 hay 10 tua miệng 	 Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> • Có 3 đôi chân • Thở bằng ống khí • Có cánh

Bảng 2. Sự thích nghi của động vật với môi trường sống

STT	Tên động vật	Môi trường sống	Sự thích nghi		
			Kiểu dinh dưỡng	Kiểu di chuyển	Kiểu hô hấp
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

▼ Em hãy nghiên cứu kĩ bảng 2, vận dụng vốn kiến thức vừa học, lần lượt thực hiện các hoạt động sau :

- Ghi vào cột 2 một số động vật trong bảng 1 mà em biết đầy đủ (chọn ở mỗi hàng dọc 1 loài).
- Ghi vào cột 3 môi trường sống của động vật.
- Ghi tiếp vào cột 4 (kiểu dinh dưỡng), cột 5 (kiểu di chuyển), cột 6 (kiểu hô hấp) của động vật đó để chứng tỏ chúng thích nghi với môi trường sống.

III - TẦM QUAN TRỌNG THỰC TIỄN CỦA ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG

Bảng 3. Tầm quan trọng thực tiễn của Động vật không xương sống

<i>STT</i>	<i>Tầm quan trọng thực tiễn</i>	<i>Tên loài</i>
1	Làm thực phẩm	
2	Có giá trị xuất khẩu	
3	Được nhân nuôi	
4	Có giá trị dinh dưỡng chữa bệnh	
5	Làm hại cơ thể động vật và người	
6	Làm hại thực vật	
...		

▼ Em hãy ghi thêm tên các loài mà em biết vào ô trống thích hợp của bảng 3.

IV - TÓM TẮT GHI NHỚ

Cơ thể đa bào	Đối xứng hai bên	Cơ thể có bộ xương ngoài	Bộ xương ngoài bằng kitin - Cơ thể thường phân đốt - Cả chân cũng phân đốt, một số có cánh	Ngành Chân khớp
		Cơ thể mềm	Thường không phân đốt và có vỏ đá vôi Dẹp, kéo dài hoặc phân đốt	Ngành Thân mềm Các ngành Giun
	Đối xứng toả tròn	- Cơ thể thường hình trụ hay hình dù với 2 lớp tế bào - Miệng có tua miệng, có tế bào gai tự vệ	Ngành Ruột khoang	
Cơ thể đơn bào	- Chỉ là một tế bào nhưng thực hiện đủ các chức năng sống của cơ thể - Kích thước hiển vi			Ngành Động vật nguyên sinh